

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HSST
Ngày: 29/12/ 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Hà Giang.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hà Đức Trưởng.

2. Ông Phạm Mạnh Quỳ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Tân Khải Nhân - Cán bộ toà án nhân dân Huyện T - Tỉnh Phú Thọ.

Đại diện VKSND huyện T - tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2017/ HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**; Tên gọi khác: không.

Sinh ngày: 25 tháng 01 năm 1959.

Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Kinh Doanh; Trình độ văn hóa: 9/10; Đoàn thể: quần chúng.

Con ông: Nguyễn Văn S; (Đã chết).

Con bà: Lê Thị L; Sinh năm: 1934.

Hiện nay mẹ ở tại phường T, Thị xã Ph, tỉnh Phú Thọ.

Anh, chị, em ruột: có 05 anh em (bị cáo là thứ nhất).

Vợ: Hà Thị L – sinh năm 1963

Con: có 03 con, lớn sinh năm 1986. Nhỏ sinh năm 1991

Hiện nay vợ, con đều ở xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. NLQ1

Địa chỉ trụ sở: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Do ông: Đinh Trọng C – chức vụ Chủ tịch đại diện
(Vắng mặt)

2. NLQ2

Địa chỉ trụ sở: xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Do ông: Hoàng Chiêu H – chức vụ Giám đốc đại diện
(Có mặt)

3. NLQ3

Địa chỉ trụ sở: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Do ông: Hà Thanh L – chức vụ Giám đốc đại diện
(Có mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo **Nguyễn Văn C** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 17/7/2017, Công an huyện T đã có Quyết định kiểm tra số: 02/QĐKT-CAH về việc kiểm tra hoạt động kinh doanh đối với Hộ kinh doanh Nguyễn Văn C có địa điểm kinh doanh tại: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ do Nguyễn Văn C làm chủ hộ, được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 148 do Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 01/7/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 16/6/2014. Ngành nghề kinh doanh gồm: Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt xây dựng; Phô tô, vận chuyển tài liệu; Vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ; đồ điện gia dụng; lương thực, thực phẩm... Thời điểm kiểm tra hoạt động kinh doanh từ tháng 01/2014 đến tháng 4/2017. Kết thúc quá trình kiểm tra, ngày 30/7/2017, Công an huyện T đã ban hành Kết luận kiểm tra số: 02/KLKT. Nội dung kết luận thể hiện: chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn C đã có hành vi bán 14 hóa đơn bán hàng có nội dung không cho 02 Hợp tác xã gồm: NLQ2 có địa chỉ tại: khu C, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ với 06 hóa đơn có tổng giá trị là 38.350.000 đồng; NLQ3 có địa chỉ tại: khu Th, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ với 08 hóa đơn có tổng giá trị là 89.105.000 đồng. Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu thu thập được, xét thấy hành vi của Nguyễn Văn C có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 164a Bộ luật Hình sự nên Công an huyện T đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 02/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn C về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 164a Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Lợi dụng vào việc hộ kinh doanh được Chi cục Thuế huyện T cấp bán Hoá đơn bán hàng, từ tháng 01/2014 đến tháng 4/2017, Nguyễn Văn C đã bán không hóa đơn và thu lời bất chính bằng thủ đoạn: Khi các cá nhân thuộc các đơn vị trên địa bàn huyện mặc dù không mua bán hàng hóa với hộ kinh doanh Nguyễn Văn C

nhưng có nhu cầu mua hóa đơn về làm chứng từ quyết toán, Nguyễn Văn C đã xuất bán Hóa đơn bán hàng cho các đối tượng này. Mỗi hóa đơn xuất bán C thu từ 4% đến 5% số tiền ghi trên hóa đơn, việc mua bán hóa đơn được thanh toán bằng tiền mặt. Nguyễn Văn C đã bán 21 tờ Hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số thể hiện trên hoá đơn là 147.292.400 đồng cho 03 đơn vị trên địa bàn huyện T. Số tiền % thu được từ việc bán hóa đơn là 7.165.746 đồng. Nguyễn Văn C đã nộp thuế tại Chi cục thuế huyện T là: 1% (Năm 2014, 2015), 1,5% (Năm 2016, 2017). Trong đã, Nguyễn Văn C kê khai nộp thuế số tiền: 2.101.386 đồng; Số tiền thu lời bất chính là: 5.064.360 đồng. Các hóa đơn mua của hộ kinh doanh Nguyễn Văn C đã được các đơn vị sử dụng làm chứng từ quyết toán tài chính. Việc mua bán hóa đơn bán hàng giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Văn C với các đơn vị cụ thể như sau:

1- Đối với NLQ2 - xã Th có địa chỉ tại: khu C, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Trong thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 4/2017, NLQ2 đã sử dụng tiền ngân sách cấp bù do miễn thủy lợi phí của NLQ2 để mua hàng hóa, dịch vụ là vật liệu xây dựng, dầu diezen phục vụ cho việc làm thủy lợi sửa chữa, nạo vét kênh mương. Quá trình mua hàng hóa, dịch vụ, các cá nhân bán hàng đều không có chức năng xuất hóa đơn bán hàng. Để phục vụ cho việc làm hồ sơ quyết toán kinh phí cấp bù do miễn thủy lợi phí với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn- UBND huyện T nên ông Hoàng Chiêu H, sinh năm 1956, trú tại xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ là Giám đốc Hợp tác xã đã trực tiếp liên hệ với Nguyễn Văn C để mua hóa đơn. Sau đã, ông Hoàng Chiêu H đã đi cùng với ông Hà Mạnh Th- sinh năm 1986, ông Hoàng Văn H- sinh năm 1972, ông Hà Xuân L- sinh năm 1974 cùng trú tại: xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ là thành viên của Hợp tác xã mua 06 liên Hóa đơn bán hàng không của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn C với tổng doanh số 38.250.000 đồng gồm: hoá đơn số 0099061 ngày 20/12/2014 không trị giá 9.600.000 đồng; hoá đơn số 0099063 ngày 23/12/2014 không trị giá 3.000.000 đồng; hoá đơn số 0074278 ngày 23/7/2015 không trị giá 1.000.000 đồng; hoá đơn số 0074279 ngày 23/7/2015 không trị giá 2.000.000 đồng; hoá đơn số 0045220 ngày 5/9/2016 không trị giá 6.300.000 đồng; hoá đơn số 0069114 ngày 8/12/2016 trị giá hoá đơn là 42.940.000 đồng trong đã không mặt hàng công trị giá là 16.350.000 đồng (các mặt hàng còn lại trong hóa đơn có mua bán thực tế). Sau khi C viết hóa đơn theo các nội dung ông H cung cấp, ông H, ông L, ông Th ký vào phần người mua hàng trên 04 hóa đơn, còn 02 hóa đơn ông H nhờ khách đến mua hàng của Nguyễn Văn C ký hộ với tên người mua là Đào Thị L và Nguyễn Đức V (hai người này là lao động tự do được ông H thuê máy múc, ông H chỉ biết tên, không biết địa chỉ ở đâu). Khi bán hóa đơn, C thu số tiền bằng 5% tổng số tiền không ghi trên hóa đơn tương đương 1.912.500 đồng. Trong đã C nộp cho Chi cục

thuế huyện T số tiền 492.750 đồng, còn lại số tiền 1.419.750 đồng C sử dụng tiêu xài cá nhân.

Số hóa đơn không đã mua của Nguyễn Văn C được ông H Chiêu H sử dụng làm chứng từ quyết toán và được Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn- UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ duyệt chi số tiền bằng với doanh số hóa đơn đã mua. Số tiền này ông Hành sử dụng một phần trả tiền % mua Hóa đơn cho C, số tiền còn lại trả cho các cá nhân bán hàng, cung cấp dịch vụ cho NLQ2 nhưng không có hóa đơn.

2- Đối với NLQ3 xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Trong thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 4/2017, NLQ3 đã sử dụng tiền ngân sách cấp bù do miễn thủy lợi phí của Hợp tác xã để mua hàng hóa, dịch vụ là vật liệu xây dựng, dầu diezen phục vụ cho việc làm thủy lợi sửa chữa, nạo vét kênh mương. Quá trình mua hàng hóa, dịch vụ, các cá nhân bán hàng đều không có chức năng xuất hóa đơn bán hàng. Để phục vụ cho việc làm hồ sơ quyết toán kinh phí cấp bù do miễn thủy lợi phí với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn- UBND huyện T nên ông Hà Thanh L- sinh năm 1956, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ là Giám đốc Hợp tác xã đã trực tiếp mua 08 liên Hóa đơn bán hàng không của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn C với tổng doanh số 89.105.000 đồng gồm: hoá đơn số 0076569 ngày 17/12/2015 không trị giá 5.000.000 đồng; hoá đơn số 0069942 ngày 16/6/2016 không trị giá 9.225.000 đồng; hoá đơn số 0069943 ngày 16/6/2016 không trị giá 5.180.000 đồng; hoá đơn số 0069944 ngày 16/6/2016 không trị giá 7.780.000 đồng; hoá đơn số 0069945 ngày 16/6/2016 không trị giá 5.520.000 đồng; hoá đơn số 0045222 ngày 5/9/2016 không trị giá 4.340.000 đồng; hoá đơn số 0045226 ngày 28/9/2016 không trị giá 34.960.000 đồng; hoá đơn số 0069146 ngày 15/01/2017 không trị giá 17.100.000 đồng. Khi bán hóa đơn, C trực tiếp ghi nội dung và thu số tiền bằng 5% số tiền không ghi trên hóa đơn tương đương 4.455.250 đồng. Trong đã C nộp cho Chi cục thuế huyện T số tiền 1.311.575 đồng, còn lại số tiền 3.143.675 đồng C sử dụng tiêu xài cá nhân.

Số hóa đơn không đã mua của Nguyễn Văn C được ông Hà Thanh L sử dụng làm chứng từ quyết toán và được Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn- UBND huyện Tân Sơn duyệt chi số tiền như trong các hóa đơn đã mua. Số tiền này ông L sử dụng một phần trả tiền % mua Hóa đơn cho C, số tiền còn lại trả cho các cá nhân bán hàng, cung cấp dịch vụ cho NLQ3 nhưng không có hóa đơn.

3- Đối với NLQ1, huyện T, tỉnh Phú Thọ Trong thời gian từ tháng 11/2015 đến tháng 12/2016, NLQ1, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã mua hàng hóa, dịch vụ là tiếp khách, photo tài liệu hội nghị, làm băng rôn tuyên truyền. Quá trình mua

hàng hóa, dịch vụ các cá nhân cung cấp dịch vụ cho NLQ1 đều không có chức năng xuất hóa đơn bán hàng. Để phục vụ cho việc làm hồ sơ quyết toán tài chính, ông Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1985, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ là cán bộ văn hoá- NLQ1; ông Bùi Đại D- sinh năm 1984, trú tại: xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ là cán bộ văn Phòng- NLQ1; bà Nguyễn Thu Kh- sinh năm 1985, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ là cán bộ tài chính kế toán- NLQ1 đã trực tiếp mua 07 liên Hóa đơn bán hàng không của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn C với tổng doanh số 19.837.400 đồng, sau đó chuyển cho ông Nguyễn Đình T- sinh năm 1985, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ là kế toán của NLQ1 để thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch UBND xã ký duyệt chi. Các hóa đơn không đã mua gồm: hóa đơn số 0045215 ngày 20/11/2015 không trị giá 1.000.000 đồng; hoá đơn số 0069919 ngày 11/5/2016 không trị giá 1.160.000 đồng; hoá đơn số 0045203 ngày 12/7/2016 không trị giá 2.180.000 đồng; hoá đơn số 0045208 ngày 19/7/2016 không trị giá 760.000 đồng; hoá đơn số 0045225 ngày 27/9/2016 không trị giá 1.615.000 đồng; hoá đơn số 0045231 ngày 05/1/2016 không trị giá 5.721.200 đồng; hoá đơn số 0069123 ngày 20/12/2016 không trị giá 7.401.200 đồng. Việc mua hóa đơn không làm hồ sơ quyết toán các cá nhân trên không báo cáo với Chủ tịch, kế toán NLQ1 biết. Khi bán Hóa đơn, C trực tiếp ghi nội dung và thu số tiền bằng 4% số tiền ghi trên hóa đơn tương đương 793.496 đồng. Trong đã, C nộp cho Chi cục thuế huyện T số tiền 292.561 đồng, còn lại số tiền 500.935 đồng C sử dụng tiêu xài cá nhân.

Số hóa đơn không đã mua của C được NLQ1 sử dụng làm chứng từ quyết toán chi số tiền bằng với số tiền trên Hóa đơn đã mua. Số tiền này được giao cho ông Đ, ông D và bà Kh sử dụng một phần trả tiền % mua hóa đơn cho C, số tiền còn lại trả cho các cá nhân bán hàng, cung cấp dịch vụ cho NLQ1 nhưng không có hóa đơn.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của Nguyễn Văn C phù hợp với lời khai người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quo trình điều tra, Nguyễn Văn C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 5.065.000 đồng, trong đã số tiền do phạm tội mà có là 5.064.360 đồng, còn lại 640 đồng C tự nguyện không nhận lại và không có đề nghị gì.

Đối với những cá nhân trực tiếp mua hóa đơn của bị can Nguyễn Văn C thuộc 03 đơn vị sử dụng hóa đơn là ông Hoàng Chiêu H, sinh năm 1956, ông Hà Mạnh Th- sinh năm 1986, ông Hoàng Văn H- sinh năm 1972, ông Hà Xuân L- sinh năm 1974 cùng trú tại: xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ, ông Hà Thanh L- sinh năm 1956, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1985, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, ông Bùi Đại D- sinh năm 1984, trú tại: xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ, bà Nguyễn Thu Kh- sinh năm 1985, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh

Phú Thọ, do số lượng hóa đơn các cá nhân này mua chưa đến mức truy cứu trách nhiệm Hình sự (số lượng dưới 10 hóa đơn), thẩm quyền xử lý hành chính thuộc UBND huyện T nên cơ quan điều tra không đề cập truy cứu trách nhiệm Hình sự đối với các cá nhân nêu trên trong vụ án này là phù hợp.

Đối với cá nhân là Chủ tịch, kế toán NLQ1 huyện T trực tiếp thực hiện duyệt, quyết toán các khoản chi có sử dụng hóa đơn không tại NLQ1, do khi thực hiện hành vi mua Hóa đơn của bị cáo C, các cá nhân trực tiếp mua hóa đơn là Nguyễn Văn Đ, ông Bùi Đại D, bà Nguyễn Thu Kh không báo cáo với người có trách nhiệm duyệt quyết toán nên các cá nhân này đã duyệt chi các khoản có sử dụng Hóa đơn không. Mặt khác, quá trình điều tra xác định hàng hóa dịch vụ thể hiện trên các hóa đơn không đều được các đơn vị này mua thực tế của những người bán hàng, cung cấp dịch vụ nhưng không có chức năng xuất hóa đơn. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập truy cứu trách nhiệm Hình sự đối với các cá nhân là Chủ tịch, kế toán của NLQ1 là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số: 39/KSĐT-TA ngày 20/11/ 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T - tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo: Nguyễn Văn C về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo khoản 1 điều 164a Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo bản cáo trạng số: 39 /KSĐT - TA ngày 20/11/2017 và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 164a; điểm b, p, s khoản 1 điều 46, khoản 1, 2 điều 31 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn C** từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 điều 164a Bộ luật Hình sự.

phạt bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng của vụ án: áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 1 điều 75, điểm c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu 21 (hai mươi một) hóa đơn để lưu hồ sơ vụ án; tịch thu số tiền 5.065.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận bị cáo là chủ hộ kinh doanh được Phòng tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 148; đăng ký lần đầu ngày 01/7/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 16/6/2014, ngành nghề kinh doanh đã được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 148; trong quá trình hoạt động kinh doanh hộ kinh doanh do bị cáo Nguyễn Văn C làm chủ hộ có sử dụng hóa đơn của cục thuế tỉnh Phú Thọ phát hành để xuất hóa đơn cho những cá nhân, tổ chức mua hàng.

Từ tháng 01/2014 đến tháng 4/2017 bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi bán 21 (Hai mươi một) Hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung hàng, tiền và có chữ ký của người bán, mua hàng. Nhưng không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo cho các cá nhân thuộc 03 đơn vị là NLQ2 - xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ; NLQ3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và NLQ1, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tổng số tiền hàng được ghi trên 21 (Hai mươi một) Hóa đơn bán hàng là 147.292.400đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm đồng), mỗi hóa đơn xuất bán hàng bị cáo Nguyễn Văn C thu từ 4% đến 5 % số tiền ghi trên hóa đơn, sau đã bị cáo Nguyễn Văn C nộp thuế tại chi cục thuế huyện T năm 2014 và năm 2015 là 1 %; năm 2016 và năm 2017 là 1,5 %. Số tiền bị cáo Nguyễn Văn C kê khai nộp thuế là 2.101.386 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 5.064.360 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn C phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội: “ *Mua bán trái phép hóa đơn*” được quy định tại khoản 1 Điều 164a của Bộ luật Hình sự.

Tại Khoản 1 Điều 164a của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Đối với những cá nhân trực tiếp mua hóa đơn của bị cáo Nguyễn Văn C thuộc 03 đơn vị sử dụng hóa đơn ông Hoàng Chiêu H, ông Hà Mạnh Th, ông Hoàng Văn H, ông Hà Xuân L, ông Hà Thanh L, anh Nguyễn Văn Đ, ông Bùi Đại D, bà Nguyễn Thu Kh, do số lượng hóa đơn các cá nhân này mua chưa đến mức truy cứu trách nhiệm Hình sự (số lượng dưới 10 hóa đơn) nên cơ quan điều tra

không đề cập truy cứu trách nhiệm Hình sự đối với các cá nhân nêu trên trong vụ án này xét thấy là phù hợp.

Đối với cá nhân là Chủ tịch, kế toán NLQ1 huyện T trực tiếp thực hiện duyệt, quyết toán các khoản chi có sử dụng hóa đơn khống tại NLQ1, do khi thực hiện hành vi mua hóa đơn của bị cáo C, các cá nhân trực tiếp mua hóa đơn là anh Nguyễn Văn Đ, ông Bùi Đại D, bà Nguyễn Thu Kh không báo cáo với người có trách nhiệm duyệt quyết toán nên các cá nhân này đã duyệt chi các khoản có sử dụng Hóa đơn khống. Mặt khác, quá trình điều tra xác định hàng hóa dịch vụ thể hiện trên các hóa đơn khống đều được các đơn vị này mua thực tế của những người bán hàng, cung cấp dịch vụ nhưng không có chức năng xuất hóa đơn. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập truy cứu trách nhiệm Hình sự đối với các cá nhân là Chủ tịch, kế toán của NLQ1 Xét thấy là phù hợp.

Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Xong trước khi quyết định Hình phạt cũng phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự để làm căn cứ quyết định mức Hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Trước khi phạm tội bị cáo chưa bị kết án và không có tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả, bị cáo có thời gian dài phục vụ trong quân đội bị cáo được Bộ trưởng Bộ quốc Phòng tặng Bằng khen và được Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang. Nhưng nhân thân của bị cáo không tốt năm 2011 Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng 26 ngày kể từ ngày tuyên án về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ” bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đương nhiên được xóa án tích. Đối chiếu với quy định của pháp luật bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm b, p, s khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự nào quy định tại điều 48 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội gia đình có đơn xin bảo lãnh, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Vì vậy để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội rèn luyện, làm ăn kinh tế, sửa chữa những lỗi lầm của mình để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này nghĩ nên áp dụng loại Hình phạt để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và địa phương một thời gian, điều đã thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C xử phạt từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 điều 31 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5 % đến 20 % để sung quỹ nhà nước. Hiện nay gia đình bị cáo ngoài kinh doanh buôn bán một số mặt hàng đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào và hàng tạp Hóa ngoài ra không còn nguồn thu nào khác. Trong thời gian qua việc kinh doanh của gia đình bị cáo nguồn thu không ổn định, hàng hóa không bán được vì vậy miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo là phù hợp với thực tế.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 164a Bộ luật hình sự thì *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.*

Qua xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T ngày 12/ 02/2017 thì thấy Nguyễn Văn C có 01 ngôi nhà xây 02 tầng trên diện tích đất 112m² tại khu C, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ, ngoài ra không có tài sản gì khác giá trị. Vì vậy cần áp dụng Hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã thu giữ 21 (hai mươi một) hóa đơn bán hàng ; Trong đó của NLQ1 07 (bảy) liên hóa đơn bán hàng, của NLQ3 08 liên hóa đơn, của NLQ2 06 liên hóa đơn và số tiền bị cáo Nguyễn Văn C tự nộp lại 5.065.000 đồng.

Xét thấy số hóa đơn bán hàng thu giữ trên của các đơn vị đã được quyết toán xong với nhà nước và đây là chứng cứ để chứng minh tội phạm cần tịch thu để lưu hồ sơ vụ án.

Xét thấy số tiền 5.065.000 đồng (trong đã có 5.064.360 đồng là tiền do phạm tội mà có còn lại 640 đồng là khoản tiền bị cáo nộp thừa nay không có yêu cầu xin lại để sở hữu vì vậy cần tịch thu toàn bộ số tiền này để sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Đối với Số tiền % bị cáo Nguyễn Văn C thu được từ việc bán hoá đơn không bị cáo Nguyễn Văn C đã kê khai nộp cho Chi cục Thuế huyện T, tỉnh Phú Thọ nộp ngân sách Nhà nước nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

a) *Tuyên bố bị cáo:* Nguyễn Văn C phạm tội: "Mua bán trái phép hóa đơn".

b) *Trách nhiệm Hình sự, Hình phạt:*

Áp dụng khoản 1, 3 điều 164a, điểm b, p, s khoản 1 điều 46, khoản 1, 2 điều 31 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát giáo dục Nguyễn Văn C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo Nguyễn Văn C 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 1 điều 75, khoản 1, điểm c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu 21 (hai mươi một) hóa đơn bán hàng đều là liên 2 (Giao người mua) để lưu hồ sơ vụ án trong đó.

+ NLQ1 07 (bảy) liên Hóa đơn bán hàng gồm: hoá đơn số 0045215 ngày 20/11/2015; hoá đơn số 0069919 ngày 11/5/2016; hoá đơn số 0045203 ngày 12/7/2016; hoá đơn số 0045208 ngày 19/7/2016; hoá đơn số 0045225 ngày 27/9/2016; hoá đơn số 0045231 ngày 05/1/2016; hoá đơn số 0069123 ngày 20/12/2016.

+ NLQ3 08 liên hóa đơn bán hàng gồm: hoá đơn số 0076569 ngày 17/12/2015; hoá đơn số 0069942 ngày 16/6/2016; hoá đơn số 0069943 ngày 16/6/2016; hoá đơn số 0069944 ngày 16/6/2016; hoá đơn số 0069945 ngày 16/6/2016; hoá đơn số 0045222 ngày 5/9/2016; hoá đơn số 0045226 ngày 28/9/2016; hoá đơn số 0069146 ngày 15/01/2017.

+ NLQ2 06 liên hóa đơn bán hàng gồm: hoá đơn số 0099061 ngày 20/12/2014; hoá đơn số 0099063 ngày 23/12/2014; hoá đơn số 0074278 ngày 23/7/2015; hoá đơn số 0074279 ngày 23/7/2015; hoá đơn số 0045220 ngày 5/9/2016; hoá đơn số 0069114 ngày 8/12/2016.

Tịch thu số tiền 5.065.000 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) là khoản tiền do bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

c) *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều a Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

đ) Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Toà án ND tỉnh ;
- VKSND tỉnh, huyện ;
- Sở tư pháp tỉnh;
- THA (dân sự + hình sự);
- Công an huyện ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Hà Giang